

TÁI HÌNH DUNG NÔNG THÔN QUA KHÔNG GIAN MẠNG: KHÔNG GIAN LẠI GHÉP VÀ THỰC HÀNH PHI ĐÔ THỊ HÓA CỦA THANH NIÊN MIỀN BẮC VIỆT NAM

TRẦN MAI HƯƠNG

Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Hà Nội

Nhận bài ngày 30/8/2026. Sửa chữa xong 30/9/2026. Duyệt đăng 15/10/2026.

Abstract

This paper examines how young people from the Red River Delta reimagine rural life when the promise of upward mobility through migration to Hanoi falls short of expectations. Drawing on ethnographic fieldwork, digital ethnography, and interviews with six participants aged 25–35 between 2022 and 2026, the study applies Jordan's concept of "hybrid spaces" to explore the relationship between online spaces and rural experiences. The findings show that online content shapes rural imaginaries while connecting young people with rural places beyond their home villages. The interplay between digital spaces and lived experiences opens up possibilities for partial "de-urbanizing practices," through which young people renegotiate their relationship with urban life without necessarily leaving Hanoi.

Keywords: De-urbanizing practices, digital ethnography, hybrid spaces, rural imaginaries, Vietnam, youth mobility.

1. Đặt vấn đề

Từ sau Đổi Mới, Hà Nội trở thành điểm đến quan trọng của nhiều người trẻ từ đồng bằng sông Hồng lên học tập và tìm kiếm việc làm. Với nhiều gia đình, học đại học, có công việc văn phòng và xây dựng cuộc sống ở thủ đô được xem là con đường "đổi đời", giúp thế hệ sau thoát khỏi lao động chân tay và cải thiện điều kiện sống. Tuy nhiên, những câu chuyện trong nghiên cứu này cho thấy hành trình ấy không phải lúc nào cũng diễn ra như kỳ vọng. Sau nhiều năm sống ở Hà Nội, một số người trẻ phải đối mặt với những áp lực đô thị như công việc bấp bênh, chi phí sinh hoạt và nhà ở cao cùng sự thiếu hụt thời gian dành cho bản thân. Trong khi đó, quê hương của họ cũng đã đổi thay: đồng ruộng thu hẹp, đường làng, nhà cửa bê tông hóa và các khu công nghiệp dần xuất hiện. Người trẻ có thể thất vọng với đô thị nhưng vẫn cảm thấy xa lạ với chính quê hương mình. Trong bối cảnh ấy, hình ảnh nông thôn trên Facebook, TikTok, YouTube và các cộng đồng trực tuyến trở thành một phần đáng chú ý trong đời sống cảm xúc của người trẻ. Vận dụng khái niệm "không gian lai ghép" (hybrid spaces) của Jordan (2009), coi đời sống trực tuyến và đời sống trực tiếp là những không gian đan xen trong thực hành thường nhật, bài viết phân tích cách người trẻ tiếp nhận và diễn giải hình ảnh nông thôn qua ký ức, trải nghiệm và điều kiện sống của bản thân. Đồng thời, những hình ảnh này góp phần khơi gợi các chuyến đi và trải nghiệm ngắn ngày tại những vùng nông thôn ngoài quê nhà, qua đây mở ra những thực hành phi đô thị hóa từng phần. Từ đó, bài viết nhấn mạnh vai trò của mạng xã hội trong việc định hình hình dung về nông thôn và tái cấu trúc trải nghiệm sống cũng như mối quan hệ giữa người trẻ với đô thị và nông thôn.

(*) Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ Nguyễn Văn Huyền (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội), mã số NVHF.2025.01.

Email: maihuongvn.173@gmail.com

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp dân tộc học, dân tộc học mạng, phỏng vấn bán cấu trúc theo hướng tự sự và quan sát tham dự. Thay vì xem nội dung trực tuyến như văn bản tách rời đời sống, nghiên cứu theo dõi cách người tham gia tìm thấy, diễn giải và chia sẻ hình ảnh nông thôn cũng như mối liên hệ giữa các tương tác đó với gặp gỡ và dịch chuyển ngoài đời.

Việc tiếp cận bắt đầu từ các trang, bài đăng và cộng đồng trực tuyến về làng quê, nông nghiệp, tình nguyện và trải nghiệm sống ở nông thôn, chủ yếu trên Facebook; video từ các nền tảng khác được dùng làm điểm gợi mở trong trao đổi. Tác giả liên hệ với những người trong các nhóm và có tương tác trong không gian mạng này, sau đó gặp trực tiếp, phỏng vấn và duy trì liên hệ với 6 người trong độ tuổi 25-35 vào giai đoạn 2022-2026. Những người này xuất thân từ đồng bằng sông Hồng lên Hà Nội và đã có khoảng thời gian ít nhất 5 năm tại thành phố, sau khi tốt nghiệp và ra trường đi làm. Phỏng vấn sâu bán cấu trúc tập trung kỳ vọng khi rời quê, trải nghiệm ở đô thị, nội dung nông thôn thường theo dõi và mối liên hệ với quyết định đi lại hoặc thử nghiệm sinh kế. Người tham gia được mời mở lại video, hình ảnh, trang mạng hoặc nhóm Facebook họ thường xem để trao đổi về hình dung và trải nghiệm của họ. Bên cạnh phỏng vấn và theo dõi nội dung trực tuyến, tác giả cũng tham gia một chuyến đi ngắn ngày lên Hà Giang để có thêm đối chiếu so sánh.

Tư liệu được phân tích bằng cách mã hóa chủ đề và phân tích tự sự, tập trung vào kỳ vọng “thoát ly”, ký ức quê hương, trải nghiệm đô thị, ảnh hưởng của mạng xã hội và những thực hành phi đô thị hóa. Việc đối chiếu 6 trường hợp nhằm làm rõ những điểm tương đồng và khác biệt, không nhằm khái quát thống kê. Các tên riêng được thay bằng bí danh để bảo vệ danh tính người tham gia.

Bảng khái quát 6 trường hợp nghiên cứu

Bí danh	Thông tin cơ bản (địa danh theo tên tỉnh trước sáp nhập 2025)	Không gian trực tuyến
Hải	30 tuổi, gia đình thu nhập thấp tại Hải Dương, tốt nghiệp Học viện Tài chính, đã khởi nghiệp nhiều lần ở Yên Bái và Hòa Bình.	Video, nhóm Tình nguyện viên nông nghiệp xanh
Nhung	29 tuổi, gia đình thu nhập trung bình ở Nam Định, tốt nghiệp Trường Đại học Ngoại thương và làm nhân sự tại Hà Nội	Facebook (nhóm Dấu xưa làng cũ)
Mai	Xuất thân từ gia đình thu nhập trung bình tại một làng chài Nam Định, tốt nghiệp Trường Đại học Thương mại và làm việc tự do tại Hà Nội	Facebook (<i>Dấu xưa làng cũ</i>), video, kênh youtube <i>Lộc Nông thôn</i> , nhóm Tình nguyện viên nông nghiệp xanh
Trang	31 tuổi; chuyên viên pháp chế; sinh ra ở Hưng Yên	Facebook, video, các kênh youtube bỏ phố về nông thôn
Lan	35 tuổi; bác sĩ; xuất thân từ làng cửa sông ở Thái Bình.	Facebook, video, các kênh youtube bỏ phố về nông thôn
Đức	Gia đình buôn bán khá giả ở Hải Dương; từng làm công chức cấp xã rồi trở lại Hà Nội.	Facebook, video, các kênh youtube bỏ phố về nông thôn

3. Nội dung nghiên cứu

3.1. Ước mơ “thoát ly” và thực tại

Trong câu chuyện của những người tham gia nghiên cứu, Hà Nội ban đầu được xem là đích đến của một con đường mà gia đình đã kỳ vọng từ trước, nhất là đối với đồng bằng sông Hồng nơi đất đai hạn hẹp và sinh kế nông nghiệp khó bảo đảm thu nhập, di cư thường được xem là con đường để thoát nghèo và cải thiện vị thế xã hội (Hoang et al., 2005). “Thoát ly” (phỏng vấn Hải, tháng 4/2024) không chỉ là rời quê để học tập, làm việc ở nơi khác mà còn gửi gắm mong muốn “ly nông, ly hương” để có một cuộc sống đủ đầy hơn. Tuy nhiên, cơ hội đổi đời cũng đi kèm những áp lực về tài chính, điều kiện sống và khả năng thích nghi trong bối cảnh áp lực thành thị đang ngày càng gia tăng như hiện nay (Pham et al., 2018).

Hải lớn lên trong một gia đình có thu nhập thấp. Cha anh từng rời quê vào Tây Nguyên làm kinh tế mới, còn mẹ ở nhà canh tác trên mảnh ruộng nhỏ. Anh kể: “Bố em thoát ly vào Tây Nguyên từ hồi em còn bé nhưng cũng chỉ làm thuê chân tay. Mẹ em làm nông, cấy được hai sào bảy ruộng (một sào Bắc Bộ khoảng 360 m²), lúa chỉ gặt được hai vụ một năm nên thu nhập thấp, cả nhà trông vào tiền bố gửi

hàng tháng. Bố mẹ rất muốn tụi em thoát ly, lên Hà Nội làm việc văn phòng, đừng lao động chân tay như bố mẹ. Em chỉ biết cố học, đỗ đại học để xứng với sự hy sinh của bố mẹ”.

Với Hải, học đại học và lên Hà Nội không chỉ là con đường cải thiện cuộc sống mà còn là cách đáp lại những hy sinh của cha mẹ. Kỳ vọng “thoát ly” vì thế được hình thành từ cả mong muốn của người trẻ lẫn ước vọng của gia đình về một tương lai khác.

Câu chuyện của Nhung cho thấy kỳ vọng này không chỉ hiện diện trong những gia đình khó khăn về kinh tế. Dù gia đình không thuộc diện hộ nghèo, việc Nhung đỗ đại học và lên Hà Nội vẫn là niềm vui chung, được cả gia đình và họ hàng chia sẻ: “Bố mẹ lúc nào cũng nhắc mình phải học thật chăm, lên Hà Nội học đại học để ‘đổi đời’. Mình còn nhớ năm cuối cấp, bố mẹ nấu cả cháo yến để mình ôn thi. Đến lúc đỗ bố mẹ mở cỗ mời 6 mâm cả họ hàng và hàng xóm. Cũng hơi ngại nhưng hồi đó mình cũng thấy tự hào thật”.

Trong trường hợp này, việc vào đại học không đơn thuần là thành quả cá nhân mà còn là một dấu mốc đáng tự hào của gia đình. Hà Nội hiện lên như nơi mở ra cơ hội đổi đời, còn việc học hành trở thành con đường để người trẻ thực hiện kỳ vọng ấy.

Với Mai, ký ức về ngày đầu lên Hà Nội thể hiện rõ sức hấp dẫn của đô thị đối với một người trẻ xuất thân từ làng chài: “Ngày đầu đi thi đại học mà xuống xe nhìn nhà cao tầng đến mức phải ngửa cổ mới thấy nóc, người đông nườm nượp. Cuối cùng ngày ấy cũng đến, chị háo hức cuộc sống nhộn nhịp ở đây”.

Nếu với Hải và Nhung, Hà Nội gắn với kỳ vọng thoát khỏi những giới hạn của cuộc sống gia đình thì với Mai, thành phố còn khơi gợi sự háo hức trước một thế giới mới. Những trải nghiệm ban đầu ấy cho thấy sức hấp dẫn của đô thị không chỉ nằm ở cơ hội học tập, việc làm mà còn ở cảm giác được bước vào một cuộc sống khác với nơi mình sinh ra.

Tuy nhiên, sau nhiều năm, kỳ vọng về một cuộc sống tốt đẹp hơn dần bộc lộ những giới hạn. Công việc và thu nhập không phải lúc nào cũng giúp người trẻ tích lũy đủ để thực hiện những dự định như kết hôn, sinh con hay mua nhà. Với Trang mặc dù có công việc chuyên viên pháp chế cho một số công ty nhỏ tại Hà Nội nhưng việc thay đổi chỗ làm liên tục và sự chuyển đổi hình thức kinh doanh của các công ty khiến Trang không tránh khỏi cảm giác bấp bênh về tương lai: “Mình chưa dám lấy chồng. Không có tiền thì ai lo được cho đám cưới? Bố mẹ chỉ ở lại giúp được ít lâu nếu mình có con. Sống chỉ đủ qua ngày. Mua sắm lặt vặt thì được, chứ mơ mua nổi căn hộ nhỏ cũng không. Nhìn lại mình còn thua mấy đứa nhỏ hơn ở quê, đã có đủ xe, có nhà, có con”. Điều đáng chú ý trong lời kể của Trang là sự đảo chiều trong cách so sánh giữa thành thị và nông thôn. Nếu trước đây, lên Hà Nội được xem là bước tiến so với cuộc sống ở quê thì giờ đây, khi nhìn những người trẻ hơn đã có nhà cửa, xe cộ và gia đình riêng tại quê nhà, cô lại cảm thấy mình đang tụt lại phía sau. Thành phố không còn mặc nhiên đồng nghĩa với một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Trường hợp của Lan cho thấy những giới hạn này không chỉ xuất hiện ở người chưa có nhà hay chưa đạt được sự ổn định về vật chất. Dù hai vợ chồng đã có nhà và hộ khẩu tại Hà Nội, áp lực công việc vẫn khiến chị khó dành thời gian cho gia đình: “Vợ chồng mình đều từ quê lên, giờ đã có nhà, có hộ khẩu ở Hà Nội. Nhưng sống ở đây bận lắm, làm cả ngày, chẳng chăm được con. Giờ tôi chẳng có thời gian cho con, thấy thương con lắm”.

Với Lan, sở hữu nhà ở và có cuộc sống tương đối ổn định không đồng nghĩa với việc đạt được môi trường sống như mong muốn. Chị mô tả căn hộ nhỏ cùng những bất tiện của cuộc sống đô thị như một sự đánh đổi: “Hà Nội thì chỗ nào cũng ngập, sáng đi làm ngập mà về khu cũng ngập, môi trường sống không tốt như mình tưởng. Bao năm vẫn chật vật và phải chấp nhận môi trường sống đánh đổi vì công việc và thu nhập hằng ngày nuôi con”.

Những câu chuyện trên không có nghĩa người trẻ hoàn toàn phủ nhận cơ hội mà Hà Nội mang lại. Họ vẫn dựa vào công việc, thu nhập và các nguồn lực đô thị để duy trì cuộc sống nhưng thành phố không còn bảo đảm một tương lai tốt đẹp như kỳ vọng ban đầu. Chính khoảng cách giữa điều từng mong đợi và những gì đang trải qua khiến họ nhìn nhận lại các lựa chọn sống. Trong quá trình ấy, nông

thôn dần trở thành một khả năng khác để suy nghĩ về cuộc sống, dù quê hương không còn nguyên vẹn như trong ký ức và việc trở về cũng không đơn giản.

3.2. Hoài niệm trong không gian lai ghép

Khi cuộc sống ở Hà Nội không còn như kỳ vọng, một số người bắt đầu nghĩ đến việc trở về quê. Tuy nhiên, quê hương giờ đây đã khác xa nơi họ từng rời đi. Tại đồng bằng sông Hồng, quá trình công nghiệp hóa và xây dựng nông thôn mới góp phần cải thiện đời sống và cơ sở hạ tầng nhưng đồng thời cũng kéo theo những vấn đề về ô nhiễm môi trường, biến đổi cảnh quan và suy thoái văn hóa (Nguyễn Văn Sửu, 2009; Đặng Trung, Trần Thông Anh, 2020). Những thay đổi nhanh chóng ấy khiến hình ảnh quê hương gắn với tuổi thơ của thế hệ 9x dần phai nhạt. Trong bối cảnh đó, hình ảnh nông thôn trên mạng trở thành một cách để họ tìm về quá khứ, gợi lên những ký ức không chỉ mang tính cá nhân mà còn được hình thành trong khuôn khổ ký ức tập thể như Halbwachs (1992) đã chỉ ra.

Trang lớn lên ở một ngôi làng tại Hưng Yên đã đô thị hóa mạnh, mỗi dịp Tết trở về, chị nhận thấy những cánh đồng và con đường gắn với tuổi thơ dần nhường chỗ cho các khu công nghiệp, khu vui chơi và những ngôi nhà mới. Sự nuối tiếc về hình ảnh làng quê trong ký ức khiến chị bắt đầu thường xuyên xem các video về nông thôn do Facebook gợi ý. Hình ảnh đường đất, hàng tre và trẻ em chăn trâu gợi nhắc chị về một thời đã qua. Ký ức quê hương của Trang vì thế không chỉ được khơi gợi từ những gì còn lại ở nơi chị sinh ra mà còn từ hình ảnh làng quê ở những nơi khác. Những hình ảnh này không tái hiện nguyên vẹn quá khứ mà giúp chị kết nối những trải nghiệm đã qua với những gì đang nhìn thấy trong hiện tại.

Lan cũng nhận thấy những đổi thay rõ rệt mỗi lần trở về quê: “Mình lớn lên bên bờ sông và con đê gần nhà. Giờ đê bê tông hóa hết, sông hẹp lại, hai bên là đường và biệt thự. Mỗi lần về, bố mẹ lại vận động mình đóng tiền để làng trồng ‘đô thị’ hơn, trong khi bụi tre bị chặt để mở đường cho ô tô chạy cho dễ. Những hình ảnh trong các nhóm trực tuyến làm mình nhớ lại đường đất ngày xưa yên bình hay những trò chơi với các bạn”. Với Lan, những con đường đất xuất hiện trong video không nhất thiết thuộc về quê hương chị mà có thể nằm ở những nơi chị chưa từng biết đến. Dù vậy, chúng vẫn gợi lại nhịp sống và cảm giác thân thuộc mà chị cho rằng đang dần mất đi ở quê nhà. Những hình ảnh ấy giúp chị diễn đạt nỗi nhớ về một cảnh quan không còn nguyên vẹn. Hình ảnh trên mạng vì thế không thay thế quê hương trong ký ức của Lan mà trở thành một cách để chị nhớ về và nhìn lại quê hương từ những biến đổi của nó.

Nếu Trang và Lan tìm thấy trong hình ảnh trực tuyến những gì gợi nhắc về quê nhà, trường hợp của Mai cho thấy hình dung về nông thôn không nhất thiết bắt nguồn từ ký ức về một cảnh quan cụ thể. Xuất thân từ làng chài, tuổi thơ của Mai không gắn nhiều với những cánh đồng lúa. Thế nhưng, chị lại đặc biệt yêu thích các video hoài cổ về làng quê: “Nhà mình gần biển chứ không gần ruộng lúa nhưng mình mê những video quay các làng quê nghèo, xem mà như được trở lại ngày xưa”.

Những cánh đồng trong video không phải cảnh vật Mai từng trải qua nhưng vẫn gợi lên cảm giác về một tuổi thơ giản dị, sự gắn gũi giữa con người và một nhịp sống ít bị chi phối bởi cạnh tranh như ở đô thị. Nỗi nhớ ở đây không hướng đến một địa điểm cụ thể mà đến một kiểu sống mà Mai cảm thấy ngày càng xa vời trong hiện tại. Điều này cho thấy hình ảnh nông thôn có thể khơi gợi cảm giác thân thuộc ngay cả khi không gắn với ký ức trực tiếp của người xem.

Hải lại tìm thấy hình dung về nông thôn khi theo dõi những bài đăng và tương tác trên group Facebook có tên Tình nguyện viên Nông nghiệp Xanh: “Em thích những bài đăng trong đó và mọi người trong đó làm nông nghiệp thực sự. Họ làm bền vững chứ không chỉ cho vui nên em cũng học được nhiều thứ”.

Điều thu hút Hải không phải là cảnh làng quê đẹp hay yên bình mà là việc các thành viên trong nhóm gắn bó với nghề nông một cách nghiêm túc và lâu dài, thay vì xem đó như một thú vui nhất thời. Lớn lên cạnh mảnh ruộng nhỏ của mẹ nhưng chứng kiến nông nghiệp ở quê không đủ nuôi sống gia đình, Hải thấy những bài đăng ấy vừa quen thuộc với đời sống nông nghiệp từng gắn với tuổi thơ, vừa mở ra hình dung về nông nghiệp như một sinh kế khả thi, đồng thời cung cấp những hiểu biết thực tế

để anh học hỏi. Trong khi quê nhà thu hẹp đất canh tác và dần nhường chỗ cho công nghiệp khiến Hải cảm thấy xa lạ với nơi mình lớn lên thì nhóm trực tuyến lại là nơi anh gặp những người vẫn đang làm nông, qua đó củng cố mong muốn theo đuổi lĩnh vực này.

Nhìn từ khái niệm “không gian lai ghép” của Jordan (2009), các trường hợp trên cho thấy hình dung về nông thôn được hình thành từ sự đan xen giữa trải nghiệm trực tiếp, ký ức và những hình ảnh tiếp nhận qua các phương tiện khác nhau. Những thay đổi ở quê nhà khiến Trang và Lan tìm đến hình ảnh nông thôn trên mạng; ngược lại, các hình ảnh này giúp họ nhận ra rõ hơn những gì đã mất hoặc thay đổi. Với Mai và Hải, hình dung về nông thôn còn được bồi đắp từ những cảnh vật và câu chuyện không thuộc trải nghiệm trực tiếp của họ như Appadurai (1996) gợi ý, trí tưởng tượng không chỉ thuộc về đời sống riêng tư mà còn là một phần của đời sống xã hội, giúp con người hình dung những khả năng sống khác với hoàn cảnh hiện tại.

Như vậy, nông thôn trong hình dung của người trẻ không đơn thuần là quê hương trong ký ức cũng không phải một không gian được phản ánh nguyên vẹn qua hình ảnh trực tuyến, nó được tạo nên từ những gì họ từng trải qua, những thay đổi họ chứng kiến và những hình ảnh, câu chuyện giúp họ tưởng tượng về một kiểu sống khác. Sự đan xen này không chỉ định hình cách người trẻ nhìn lại quê hương mà còn mở ra khả năng tìm đến những vùng nông thôn khác để trải nghiệm những điều họ cảm thấy thiếu vắng trong đời sống đô thị.

3.3. Từ hình dung đến thực hành: thử nghiệm lối sống giữa Hà Nội và nông thôn

Những hình ảnh nông thôn trên mạng không chỉ gợi nhớ quá khứ mà còn giúp người trẻ tìm kiếm địa điểm và cơ hội trải nghiệm nông thôn thực tế giống như tưởng tượng mà không phải quê nhà của họ. Thông qua các nhóm Facebook như *Tình nguyện viên nông nghiệp xanh*, *bỏ phố về rừng* những trang chia sẻ phong cảnh nông thôn như *Dấu xưa làng cũ* và các kênh video Youtube như *Lộc Nông Thôn*, họ biết đến những nông trại tuyển tình nguyện viên, homestay cần người hỗ trợ hoặc những vùng quê muốn khám phá.

Trang kể: “Mình ở nhóm Facebook đó lâu rồi. Họ đăng nhiều ảnh phong cảnh nông thôn đẹp khắp nước. Nhiều chủ nông trại còn tuyển tình nguyện viên đến sống và làm việc, cho ăn ở cơ bản miễn phí nhưng thường không có tiền công. Đôi khi mình tham gia chỉ để đổi gió nhưng làm thật thì không. Ở đó mãi không đi làm thì chết”.

Với Trang, những chuyến đi về nông thôn chủ yếu là dịp đổi không khí và trải nghiệm một nhịp sống khác chứ chưa phải bước chuyển sang cuộc sống mới ở nông thôn. Việc quay lại Hà Nội để tiếp tục làm việc cho thấy những trải nghiệm này vẫn phụ thuộc vào công việc và khả năng tài chính.

Trường hợp của Mai cho thấy rõ hơn cách hình ảnh trực tuyến có thể dẫn đến những trải nghiệm cụ thể. Theo dõi trang *Dấu Xưa Làng Cũ*, Mai muốn tận mắt nhìn thấy những cảnh quan thường xuất hiện trong các video. Một video về cánh đồng lúa chín gợi cho Mai ý định đến Hà Giang; sau chuyến đi ngắn ngày, Mai tiếp tục đăng ký làm tình nguyện viên tại một homestay trong hai tháng.

Trong chuyến đi, Mai bị thu hút bởi cảnh quan thiên nhiên rộng mở, không gian thoáng đãng, ít người, nhịp sống có vẻ tự do, phóng khoáng và sự thân thiện của người dân. Việc cảnh quan nơi đây chưa bị đô thị hóa nhiều cũng góp phần tạo nên sức hấp dẫn của Hà Giang. Những đặc điểm này tương ứng với hình dung đã có của Mai về nông thôn như một nơi gần gũi với thiên nhiên và ít chịu áp lực của đời sống đô thị. Điều này có thể đặt trong mối liên hệ với những nghiên cứu về sự đối lập giữa thành thị và nông thôn ở Việt Nam, trong đó đô thị thường gắn với nhịp sống căng thẳng, cạnh tranh và xa cách, còn nông thôn được hình dung như nơi bình yên, gần gũi với tự nhiên và giàu tình cảm cộng đồng (Drummond, 2003). Tuy nhiên, đây là một hình dung mang tính chọn lọc, không nhất thiết phản ánh đầy đủ đời sống tại địa phương. Trải nghiệm thực tế của Mai vì thế vừa củng cố hình dung đã có, vừa đặt hình dung ấy vào một địa điểm và hoàn cảnh cụ thể.

Không phải ai cũng dừng lại ở những chuyến đi ngắn ngày. Hải từng thử xây dựng sinh kế nông

ng nghiệp tại Yên Bái và Hòa Bình, từ trồng gừng, phơi khoai lang đến chế biến quế và thu mua cam. Dù nhiều lần thất bại, Hải vẫn muốn tiếp tục theo đuổi công việc này: “Em muốn làm nông nghiệp, em sinh ra ở quê mà nhưng ở quê giờ chẳng còn đất để làm. Em thất bại năm, bảy lần, có ngày phải ăn khoai thay cơm nhưng em vẫn muốn làm”.

Với Hải, những hình ảnh và câu chuyện thành công trên mạng góp phần khơi gợi mong muốn làm nông nghiệp nhưng không bảo đảm rằng Hải có thể biến mong muốn ấy thành sinh kế ổn định. Việc thiếu đất và những khó khăn trong quá trình làm ăn vẫn là trở ngại cụ thể. Khác với những chuyến đi trải nghiệm của Mai, nỗ lực của Hải đòi hỏi phải đối diện lâu dài với điều kiện sản xuất và thu nhập. Trường hợp này cho thấy khoảng cách giữa hình dung về một cuộc sống khác và khả năng duy trì cuộc sống ấy bằng những nguồn lực thực tế.

Ở chiều ngược lại, câu chuyện của Đức cho thấy trở về quê không phải lúc nào cũng hấp dẫn hơn ở lại thành phố. Sau một thời gian làm việc văn phòng tại Hà Nội, anh trở về Hải Dương làm công chức cấp xã nhưng hai năm sau lại quay lại Hà Nội vì cảm thấy cuộc sống ở quê quá đều đặn: “Ở nhà thì thoải mái: việc ổn định, có tiền tiết kiệm, bố mẹ nấu cơm nhưng thoải mái quá. Mọi thứ quá ổn định, chẳng có gì mới”.

Với Đức, sự ổn định về công việc và sinh hoạt không đủ để đáp ứng nhu cầu thay đổi và tìm kiếm những trải nghiệm mới. Trường hợp này cho thấy lựa chọn nơi sống không chỉ phụ thuộc vào thu nhập hay điều kiện vật chất mà còn gắn với quan niệm của mỗi người về một cuộc sống đáng mong muốn. Khi đời sống đô thị gây thất vọng, nông thôn không mặc nhiên trở thành đích đến; ngay cả khi đã trở về, người trẻ vẫn có thể tiếp tục tìm kiếm một môi trường sống phù hợp hơn với mình.

Các trường hợp trên cho thấy không có một con đường chung từ việc tiếp nhận hình ảnh trực tuyến đến quyết định thay đổi nơi sống. Với Trang và Mai, nông thôn đem lại cơ hội tạm rời nhịp sống đô thị; với Hải, đó là nơi Hải muốn xây dựng sinh kế nhưng phải đối mặt với nhiều trở ngại; còn với Đức, trở về quê không đáp ứng nhu cầu về một cuộc sống nhiều thay đổi hơn. Những lựa chọn này phụ thuộc vào công việc, tài chính, khả năng tiếp cận đất đai và mong muốn riêng của mỗi người. Nội dung trực tuyến có thể mở ra những khả năng mới nhưng việc hiện thực hóa chúng luôn gắn với những điều kiện cụ thể.

Trong bài viết này, những dịch chuyển như vậy được hiểu là các thực hành phi đô thị hóa từng phần: những cách người trẻ thử thay đổi nhịp sống và mối quan hệ với nông thôn mà không nhất thiết từ bỏ Hà Nội. Một chuyến đi không đồng nghĩa với quyết định chuyển cư; hoạt động tình nguyện không thay thế công việc tạo thu nhập; còn việc thử làm nông nghiệp cũng không bảo đảm khả năng định cư lâu dài. Ngay cả khi quay lại Hà Nội, những trải nghiệm ở nông thôn vẫn có thể mang ý nghĩa đối với cách người trẻ hình dung và tổ chức cuộc sống. Thay vì lựa chọn dứt khoát giữa thành thị và nông thôn, họ có thể tiếp tục dựa vào các nguồn lực đô thị, đồng thời tìm kiếm những trải nghiệm và khả năng sống khác bên ngoài thành phố. Cách hiểu này khác với phản đô thị hóa được xem như một xu hướng dịch chuyển dân số (Berry, 1976), đồng thời không hoàn toàn trùng với di cư lối sống (Benson & O'Reilly, 2016), bởi những thực hành được khảo sát không nhất thiết dẫn đến việc chuyển nơi cư trú lâu dài.

Từ góc nhìn về “không gian lai ghép” của Jordan (2009), quá trình này không đơn giản là việc hình ảnh trực tuyến dẫn đến hành động ngoài đời. Nội dung trên mạng giúp người trẻ biết đến địa điểm và cơ hội trải nghiệm; ngược lại, những chuyến đi và hoạt động thực tế cũng ảnh hưởng đến cách họ nhìn nhận, ghi nhớ và chia sẻ về nông thôn. Quá trình ấy không phải lúc nào cũng liên tục hay dẫn đến kết quả như mong đợi: có người chỉ dừng ở việc tìm hiểu, có người trải nghiệm rồi quay lại Hà Nội, cũng có người theo đuổi sinh kế nông nghiệp nhưng chưa đạt kết quả mong muốn. Chính sự đan xen giữa hình dung, trải nghiệm và những giới hạn của đời sống tạo nên tính từng phần và không đồng đều của các thực hành phi đô thị hóa.

4. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy quá trình tái hình dung nông thôn của người trẻ không chỉ bắt nguồn từ

những giới hạn của đời sống đô thị mà còn được hình thành qua sự đan xen giữa ký ức, hình ảnh trực tuyến và trải nghiệm thực tế. Vận dụng khái niệm “không gian lai ghép” của Jordan (2009), bài viết làm rõ cách không gian mạng góp phần khơi gợi hoài niệm, kết nối người trẻ với những vùng nông thôn không phải quê nhà và mở ra các khả năng trải nghiệm lối sống khác. Tuy nhiên, những hình dung này không phải lúc nào cũng chuyển thành lựa chọn di chuyển lâu dài, bởi việc hiện thực hóa chúng còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, sinh kế và mong muốn cá nhân. Từ đó, bài viết vận dụng khái niệm “thực hành phi đô thị hóa từng phần” để nhận diện những cách người trẻ điều chỉnh mối quan hệ với đô thị và nông thôn mà không nhất thiết từ bỏ cuộc sống tại Hà Nội. Cách tiếp cận này góp phần mở rộng nghiên cứu về di động của thanh niên, đồng thời làm rõ vai trò của không gian mạng trong việc hình thành những khả năng sống và lựa chọn nơi chốn trong bối cảnh đương đại. Theo đó, mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn không nhất thiết là sự lựa chọn giữa hai không gian đối lập mà có thể được duy trì thông qua những chuyển đi, trải nghiệm và sự di chuyển qua lại giữa hai nơi. Tuy nhiên, do phạm vi nghiên cứu còn giới hạn ở 6 trường hợp, các kết quả chưa phản ánh hết sự đa dạng trong trải nghiệm của thanh niên. Những nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát nhằm làm rõ sự khác biệt trong cách người trẻ sử dụng không gian mạng và thực hành các lựa chọn sống giữa thành thị và nông thôn.

Tài liệu tham khảo

- Appadurai, A. (1996). *Modernity at large: Cultural dimensions of globalization*. University of Minnesota Press.
- Benson, M., & O'Reilly, K. (2016). From lifestyle migration to lifestyle in migration: Categories, concepts and ways of thinking. *Migration Studies*, 4(1), 20-37. <https://doi.org/10.1093/migration/mnv015>.
- Berry, B. (1976). *Urbanisation and counterurbanisation*. Beverly Hills: Sage.
- Dang, T. D., & Tran, T. A. (2020). Rural industrialization and environmental governance challenges in the Red River Delta, Vietnam. *The Journal of Environment & Development*, 29(4), 420-448. <https://doi.org/10.1177/1070496520942564>.
- Drummond, L. B. W. (2003). *Popular television and images of urban life*. In L. B. W. Drummond & M. Thomas (Eds.), *Consuming urban culture in contemporary Vietnam* (pp. 155-169). RoutledgeCurzon.
- Halbwachs, M. (1992). *On collective memory* (L. A. Coser, Ed. & Trans.). University of Chicago Press.
- Hoang, T., Dang, A. N., & Tacoli, C. (2005). *Livelihood diversification and rural-urban linkages in Vietnam's Red River Delta*. <https://doi.org/10.22004/ag.econ.59595>.
- Jordan, B. (2009). *Blurring boundaries: The “real” and the “virtual” in hybrid spaces*. *Human Organization*, 68(2), 181-193. <https://doi.org/10.17730/humo.68.2.x4406g270801284>.
- Nguyen, V. S. (2009). *Agricultural land conversion and its effects on farmers in contemporary Vietnam*. *Focaal*, 2009(54), 106-113. <https://doi.org/10.3167/fcl.2009.540109>.
- Pham, N. N. K., Do, M., Bui, V. H., & Nguyen, G. T. (2018). Rural-to-urban migration in Vietnam: Conceptualized youth's vulnerabilities in the city. *International Journal of Migration, Health and Social Care*, 14(1), 117-130. <https://doi.org/10.1108/IJMHS-11-2015-0044>.